TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2025/HC-PT
Ngày: 23/01/2025
V/v: *"Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** ông **Nguyễn Văn Tào**

***- Các Thẩm phán*:** ông **Phạm Văn Hợp**

ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng,** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 382/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Đ, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng.

Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Đ, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Thị T1 – Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số E L, L, H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Văn H - Phó Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Phan Văn H - Phó Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S - Chủ tịch UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm 1990; anh Nguyễn Đăng S1, anh Nguyễn Đăng Q (đều là con của bà T); đều có nơi cư trú: Đ, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Anh S1, anh Q (vắng); anh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2023, các biên bản đối thoại và tại phiên toà, người khởi kiện, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 43 diện tích 6.215,1 m2 là do gia đình bà T khai hoang sử dụng ổn định từ trước đến nay; cụ thể: Trước năm 1975, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43 xã G (Bản đồ địa chính 1998) nay là thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 43 xã G có diện tích 6.215,1 m2 do ông chú của chồng bà T là ông Nguyễn Đăng S2 khai hoang sử dụng. Năm 1980, ông S2 vào N sinh sống và giao lại toàn bộ thửa đất này cho gia đình bà T quản lý, sử dụng. Từ năm 1980 đến 1989, gia đình bà T đăng ký ruộng đất theo chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước quản lý. Gia đình bà T sử dụng ổn định và liên tục cho đến năm 1993 Nhà nước ban hành luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, tổ chức cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp đều phải nộp thuế đất nông nghiệp nên gia đình bà T cũng có đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp ở vùng đất khai hoang này. Năm 2000, gia đình bà T trồng tràm hoa vàng, cây lâu năm, đến cuối năm 2019 gia đình bà T đóng cọc bê tông và rào hàng rào kẽm gai xung quanh bờ bao nhằm bảo vệ cây trồng trên đất, năm 2021 gia đình bà T chặt phá đào bởi bỏ đi một số diện tích cây tràm để chuyển sang trồng cây ăn trái và hoa màu. Năm 2022 gia đình bà T thuê xe đổ thêm đất phủ màu để tạo màu mỡ thêm cho đất, bắt hệ thống điện chiếu sáng, cùng hệ thống phun tưới nước, xây dựng lán tôn để ở trông coi cây trồng, cất vật dụng lao động và xây dựng trại nuôi heo, gà nhỏ lẽ tạo thêm thu nhập đầu tư ở trên đất.

Năm 1999 khi nhà nước lập hồ sơ kê khai đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình thì bà T chỉ đăng ký kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vùng ở dưới đồng ruộng, vùng đất khai hoang trên này của gia đình bà T xung quanh là cát, sản xuất nông nghiệp lại khó khăn trong vấn đề tưới tiêu nên gia đình bà T thời điểm đó không đăng ký kê khai phần diện tích này để làm sổ đỏ đất nông nghiệp. Đến năm 2017, dự án đo vẽ đăng ký đất đai trên địa bàn thôn L, xã G. Gia đình có liên hệ với bộ phận đo vẽ, người dẫn đạc ở địa phương nhưng họ chỉ dẫn đo đạc ở vùng đất có sổ đỏ dưới đồng ruộng còn đất khai hoang vùng cát bộ phận đo vẽ bảo gia đình liên hệ với Ủy ban nhân dân xã

để xin ý kiến mới tiến hành, gia đình bà T đã liên hệ với địa chính xã G để hỏi, phía địa chính xã đã hướng dẫn gia đình là về địa phương xin ý kiến xác minh nguồn gốc đất và tài sản trên đất rồi lên giải quyết sau. Khi được địa chính hướng dẫn gia đình bà T đã làm đơn xin xác nhận của những hộ dân sinh sống cùng thời điểm biết về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà T và họ đã ký tên xác nhận có chính quyền thôn là trưởng thôn ký xác nhận để trình lên cơ quan cấp trên giải quyết cho gia đình. Gia đình sử dụng ổn định và liên tục cho đến nay không tranh chấp với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Gia đình bà T đã đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp, đã đầu tư sức lực tiền của, đổ đất màu mỡ trên đất, quản lý và sử dụng liên tục được những hộ dân sinh sống cùng thời điểm sử dụng đất biết và ký tên xác nhận. Từ năm 1980 đến thời điểm xử lý vi phạm, gia đình bà T quản lý và sử dụng công khai qua các thời kỳ chủ tịch khác nhau không có động thái nhắc nhở hay xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng quản lý đất. Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 21 Nghị định 43/2014/ND-CP quy định: Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây: ;" a) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất Gia đình đã kê khai nộp thuế sử dụng đất cho thửa đất này, có biên lai thuế đất nông nghiệp từ năm 1994 đến năm 2003. Đây là một trong những tài liệu để chứng minh thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định của gia đình bà T; tuy nhiên việc Chủ tịch UBND huyện G không căn cứ vào các giấy tờ trên đây để xác định nguồn gốc đất và thời điểm bắt đầu sử dụng trên thực tế mà kết luận cho rằng hộ gia đình bà Nguyễn Thị T đã có hành vi chiếm đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý để trồng cây và làm lán trại, chuồng lợn, gà với diện tích 6.215,1 m2 thửa đất nêu trên và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC đối với hộ bà T với số tiền xử phạt 22.500.000 đồng là không đúng theo quy định pháp luật và thực tế sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị T.

Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 43 diện tích 6.215,1m2 có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất này là được khai hoang từ những năm 1975, sau khi được giao lại từ người chú, gia đình bà T đã trực tiếp sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1980 đến nay, đã trực tiếp canh tác, sản xuất nông nghiệp trên phần đất này. Từ trước đến nay không gặp sự cản trở nào từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như không vi phạm ranh giới, tranh chấp với các hộ dân liền kề. Theo Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì: “Điều 101. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” Ngoài ra,

bà T còn có giấy xác nhận của các hộ dân liền kề, xác nhận không tranh chấp do hộ bà T khai hoang và sử dụng ổn định trước những năm 1980 cho đến nay. Gia đình bà T sử dụng ổn định và liên tục cho đến năm 1993 nhà nước ban hành luật thuế sử dụng đất nông nghiệp tổ chức cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp đều phải nộp thuế đất nông nghiệp nên gia đình bà T cũng có đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp ở vùng đất khai hoang này. Đến năm 1995, gia đình bà T có trồng cây dứa gai xung quanh thửa đất để làm bờ bao lại thửa đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai đến nay. Về vị trí thửa đất nằm tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43 xã G (Bản đồ đo đạc năm 1998), hiện nay thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 40 xã G (Bản đồ đo đạc năm 2017), xác nhận bởi Chủ tịch UBND xã G ngày 26/6/2023.

Quá trình xử phạt và khiếu nại: Ngày 09/06/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 41/QĐ-XPHC về việc hộ gia đình bà Nguyễn Thị T đã có hành vi chiếm đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý để trồng các loại cây và làm lán trại, chuồng lợn, gà với diện tích 6.215,1 m2 tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43, (bản đồ địa chính năm 1998), nay là thửa đất số 158, tờ bản đồ số 40, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 03/08/2023, bà T có đơn khiếu nại liên quan đến việc xử phạt hành chính nói trên đến Chủ tịch UBND huyện G. Ngày 14/08/2023, Chủ tịch UBND huyện G ban hành thông báo số 104/TB-UBNĐ về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 24/08/2023, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu. Ngày 29/09/2023, UBND huyện G ban hành Quyết định số 3200/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian xác minh Ngày 12/10/2023, thực hiện đối thoại giữa UBND huyện G và người khiếu nại là gia đình chúng bà T Ngày 13/10/2023, Chủ tịch UBND huyện G ban hành quyết định số 3363/QĐ-UBND về việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, trú tại thôn L, xã G, huyện G (lần đầu). Bà T nhận thấy kết luận trong văn bản nêu trên là không phù hợp với quy định pháp luật và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hủy Quyết định xử phạt hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 09/06/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ bà Nguyễn Thị T; trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị

- Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3363/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện G, Tỉnh Quảng Trị đối với bà Nguyễn Thị T, trú tại thôn L, xã G, huyện G.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 28 tháng 11 năm 2023, các biên bản đối thoại và tại phiên toà, người bị kiện, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, UBND huyện G nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, trú tại thôn L, xã G, khiếu nại Quyết định số 41/QĐ-XPHC ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T. Căn cứ Điều 18 về "Thẩm quyền giải quyết khiếu nại" của Luật Khiếu nại năm 2011; Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Thông báo thụ lý

số 104/TB-UBND ngày 14/8/2023 về việc thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị T.

Ngày 24/8/2023, Chủ tịch UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ xác minh giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị T. Trong quá trình xác minh vụ việc, do vụ việc có một số nội dung phức tạp, cần xác minh làm rõ thêm nên UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc gia hạn thời gian xác minh.

Căn cứ Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011 về "tổ chức đối thoại", Chủ tịch UBND huyện G đã thực hiện tổ chức đối thoại lần đầu theo đúng trình tự quy định pháp luật. Ngày 13 tháng 10 năm 2023, Chủ tịch UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 3363/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị T.

Kết quả giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, lý do:

- Tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43 xã G (Bản đồ địa chính 1998), nay là thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ 43 xã G có diện tích 6.215,1m2 (Phía Bắc giáp: UBND xã G quản lý; Phía Nam giáp: UBND xã G quản lý; Phía Đông giáp: UBND xã G quản lý; Phía Tây giáp: UBND xã G quản lý).

- Tại thời điểm kiểm tra thực địa ngày 16/9/2023, thửa đất số 158, tờ bản đồ 43 xã G, hiện trạng thửa đất: xung quanh thửa đất có hàng rào cây dứa xen kẻ cây tràm, cọc bê tông có rào thép gai để làm ranh giới, trên đất có trồng cây ăn quả xoài, mít, ổi và các loại cây hàng năm khác, một lán trại khung thép, tường bằng tôn sóng diện tích 49,6m2, 01 chuồng heo + chuồng gà diện tích 31m2 ; hệ thống điện thắp sáng, nước tưới. Toàn bộ tài sản trên đất là của hộ bà Nguyễn Thị T tạo lập. Trên cơ sở kết quả xác minh, thu thập hồ sơ tài liệu, chứng cứ cho thấy về nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị T (đã được UBND xã xác nhận) đã bỏ hoang từ năm 1985 đến 2022, sử dụng không liên tục; các hồ sơ liên quan như bản đồ địa chính, sổ mục kê đều thể hiện đất hoang bằng do UBND xã quản lý.

Căn cứ Điểm d, Khoản 1 Điều 14, Nghị định 91/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì UBND huyện G ban hành Quyết định số 41/QĐ-XPHC ngày 09/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1999, bản đồ, sổ mục kê, bản đo đạc hiện trạng năm 2017 thể hiện thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43 xã G (Bản đồ địa chính 1998), nay là thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ 43 xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị do UBND xã Q. Việc xác lập đất công là căn cứ vào hồ sơ địa chính được các cơ quan thẩm định và lưu tại UBND xã. Mặt khác, gia đình bà T không có tài liệu gì liên quan để chứng minh về nguồn gốc đất hoặc giấy tờ, quyết định cấp đất nên không có căn cứ xác định đất của hộ bà Nguyễn Thị T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 18/2024/HC-ST ngày 19/9/2024, Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 157, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 66, Điều 68 Luật xử lý vi phạm Hành chính; điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc hủy Quyết định xử phạt hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 09/06/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ bà Nguyễn Thị T trú tại thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị và Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, trú tại thôn L, xã G, huyện G số 3363/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng; xét thấy:

- Bà Nguyễn Thị T cho rằng trước năm 1975, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43 xã G (Bản đồ địa chính 1998) nay là thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 43 xã G có diện tích 6.215.1m² do ông chú của chồng bà là ông Nguyễn Đăng S2 khai hoang sử dụng. Năm 1980, ông S2 vào Miền Nam sinh sống nên giao lại toàn bộ thửa đất này cho gia đình bà quản lý, sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay; cụ thể: Năm 2000 gia đình bà trồng tràm, cây lâu năm, cuối năm 2019 gia đình bà đóng cọc bê tông và làm hàng rào kẽm gai xung quanh bờ bao nhằm bảo vệ cây trồng trên đất. Năm 2021, gia đình bà bỏ đi một số diện tích cây tràm để chuyển sang trồng cây ăn trái và hoa màu. Năm 2022, gia đình bà thuê xe đổ thêm đất phủ để tạo màu mỡ thêm cho đất, bắt hệ thống điện chiếu sáng, cùng hệ thống phun tưới nước, xây dựng lán tôn để ở trông coi cây trồng, cất vật dụng lao động và xây dựng trại nuôi heo, gà nhỏ lẽ tạo thêm thu nhập đầu tư trên đất. Theo giấy xác nhân của một số hộ dân tại địa phương thì cho rằng gia đình bà T sử dụng đất liên tục tư năm 1988 đến nay, nên đề nghị UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho hộ gia đình bà T.

Theo kết quả xác minh của UBND xã G và UBND huyện G thì: Năm 2021, bà T có đề nghị xác định nguồn gốc sử dụng đất nên UBND xã giao trách nhiệm cho Trưởng thôn tổ chức họp dân lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình bà T. Ý kiến của khu dân cư thôn L, xã G xác định diện tích bà T đề nghị xác định nguồn gốc đất khai hoang, trước đây người dân địa phương gọi là Bàu ông S2 (người thôn L); Bàu ông S2 có diện tích khoảng 700m², chứ không phải 6.087,6m² như hộ bà T kê khai. Từ năm 1980 đến 1985, gia đình ông N (chồng bà T) có sản xuất, trồng các loại cây hoa màu tại khu vực đất nói trên, nhưng do sản xuất không có hiệu quả nên bỏ hoang từ năm 1985 đến năm 2022.

Tuy nhiên, theo giấy xác nhận của một số hộ dân tại địa phương thì cho rằng gia đình bà T sử dụng đất liên tục từ năm 1985 đến nay và có đề nghị UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà T.

Xét thấy nội dung xác nhận của một số hộ dân tại địa phương mâu thuẫn với kết quả xác minh của UBND xã G và UBND huyện G nên chưa đủ cơ sở để xác định hộ gia định bà T đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

[1.2]. Tại phiên toà phúc thẩm, bà T cung cấp Kết luận giám định số 741/CNR-VP ngày 23/9/2024 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng-V, xác định một số cây Tràm trên diện tích đất này có độ tuổi từ 16 năm đến 23 năm.

Xét thấy kết luận này cũng không đủ căn cứ xác định gia đình bà T sử dụng đất liên tục từ năm 1985 đến nay và có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[1.3]. Việc kê khai, Đăng ký quyền sử dụng đất và nộp thuế; xét thấy:

Từ năm 1980 đến 1989 thực hiện Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng chính phủ về công tác đo đạc phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan Nhà nước quản lý, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Theo bản đồ địa chính xã G được Trung tâm Kỹ thuật địa chính - Sở Địa chính tỉnh Quảng Trị đo vẽ năm 1998; Sở Địa chính phê duyệt năm 1999 và Sổ mục kê thành lập năm 1999 xác định: Diện tích 6.087,6m² (trong tổng diện tích 179.382m2) thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43, là đất hoang bằng chưa giao do UBND xã quản lý. Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2017 xác định: Diện tích 6.087,6m² thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 40, đất do UBND xã quản lý; trên bản đồ không thể hiện diện tích, khuôn viên thửa đất hộ bà T đề nghị.

- Theo Báo cáo số 299/BC-UBND ngày 17/5/2023 của UBND xã G về kết quả xác minh việc nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp của hộ bà T như sau: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông Nguyễn Đăng N (chồng bà T) năm 1999, tại Quyết định số 712/QĐ-UB, số vào sổ 01345, có diện tích 14.213m² đất nông nghiệp, trong đó gồm: 9.163m² đất lúa; 2.885m² đất trồng cây hàng năm khác (ĐRM); 2.165m² đất vườn. Hộ bà Nguyễn Thị T có thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất nông nghiệp với diện tích 8.985m² trong tổng số 14.213m² đất nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như

vậy, không có văn bản, hồ sơ lưu trữ nào thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với phần diện tích 6.215,5m² tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 43 xã G, bản đồ đo đạc năm 1998 (tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 40 xã G, bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2017) theo như bà T trình bày.

- Do gia đình bà T tiến hành trồng cây ăn quả xoài, mít, ổi và các loại cây hàng năm khác, xây dựng một lán trại, xây chuồng heo, chuồng gà, hệ thống điện thắp sáng, nước tưới trên thửa đất này nên UBND xã G, huyện G đã tiến hành làm việc với gia đình bà Nguyễn Thị T, theo đó yêu cầu gia đình bà T dừng việc lấn chiếm đất, trả lại lại mặt bằng cho UBND xã quản lý theo quy định của pháp luật nhưng gia đình bà T không đồng tình. Do đó UBND xã G lập biên bản hành chính đối với hộ và Nguyễn Thị T và Chủ tịch UBND huyện G căn cứ điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để xử phạt hộ bà T về hành vi lấn chiếm đất bằng chưa sử dụng do UBND xã quản lý, hình thức phạt tiền 22.500.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định và bà T khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện G đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3363/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện G không công nhận khiếu nại của bà T là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3].Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm; Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí cho bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000165 ngày 17/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (do ông Nguyễn Đăng B nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào